



DỰ THẢO

TÀI LIỆU

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX
NĂM 2021**

TP. HCM, ngày 28 tháng 4 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX

📍 Lô C40-43/II, C51-55/II, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

☎ (084 - 28) 3765 3389/-90/-91

✉ cholimexfood@cholimexfood.com.vn

🌐 (084- 28) 3765 3025

🌐 www.cholimexfood.com.vn

MST: 0304 475 742

TP.HCM, ngày 07 tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

STT	TÊN TÀI LIỆU	TRANG
1	Thế lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội	Trang 1
2	Chương trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021	Trang 4
3	Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, phương hướng hoạt động năm 2021	Trang 5
4	Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán	(file scan)
5	Báo cáo của Hội đồng Quản trị	Trang 10
6	Báo cáo của Ban kiểm soát	Trang 15
7	Tờ trình về dự kiến phân phối lợi nhuận Công ty năm 2020	Trang 19
8	Tờ trình về lựa chọn tổ chức kiểm toán năm 2021	Trang 20
9	Tờ trình về việc dự kiến thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và mức thưởng cho Ban điều hành Công ty năm 2021	Trang 21
10	Tờ trình về sửa đổi Điều lệ Công ty	Trang 22
11	Phần phụ lục: Bảng so sánh Dự thảo Điều lệ đổi và Điều lệ hiện hành Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	Trang 23



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX

📍 Lô C40-43/I, C51-55/II, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

☎️ (084 - 28) 3765 3389/-90/-91

✉️ cholimexfood@cholimexfood.com.vn

🌐 (084- 28) 3765 3025

🌐 www.cholimexfood.com.vn

MST: 0304 475 742

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2021

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex.

Ban tổ chức xin công bố Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2021 như sau:

1. Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết lựa chọn:

Ban tổ chức phát hành 02 loại gồm:

- 1.1. Thẻ biểu quyết: để biểu quyết một số vấn đề thông thường như thông qua danh sách Đoàn Chủ tọa và Ban Thư ký, danh sách Ban Kiểm phiếu, chương trình họp, thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội, Nghị quyết của Đại hội, hoặc theo đề nghị của Đoàn Chủ tọa tại cuộc họp.
- 1.2. Phiếu biểu quyết lựa chọn : để biểu quyết các vấn đề nêu tại các báo cáo, tờ trình hoặc đề nghị của Đoàn Chủ tọa tại cuộc họp.

2. Cách thức biểu quyết:

2.1. **Đối với Thẻ biểu quyết:** biểu quyết theo số cổ phần đại diện:

2.1.1 Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp giơ Thẻ biểu quyết khi Đoàn Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông lần lượt đề nghị biểu quyết: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến.

2.1.2 Thẻ biểu quyết không thu vào thùng phiếu và được đếm trực tiếp tại chỗ

2.2. **Đối với Phiếu biểu quyết lựa chọn** (lựa chọn: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến): biểu quyết theo số cổ phần đại diện.

2.2.1. Đề nghị cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đánh dấu V hoặc X vào **một** trong 03 ô cần biểu quyết: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến.

2.2.2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp không đánh dấu vào bất kỳ ô nào hoặc không bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu thì được xem là **Không có ý kiến**.

- 2.3. Trong trường hợp lựa chọn nhầm lẫn, cổ đông có thể liên hệ với Ban Tổ chức để xin cấp lại phiếu biểu quyết mới và phải nộp lại phiếu cũ.
- 2.4. Phiếu biểu quyết lựa chọn được thu vào thùng phiếu và làm thủ tục kiểm phiếu

3. Nguyên tắc xác định Phiếu biểu quyết hợp lệ và Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

3.1. Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết lựa chọn hợp lệ:

- Theo mẫu in sẵn do Ban Tổ chức phát ra có đóng dấu của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài qui định.
- Đối với Phiếu biểu quyết lựa chọn : chỉ được đánh dấu V hoặc X vào **một** trong 03 ô cần biểu quyết: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến.

3.2. Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết lựa chọn không hợp lệ:

- Không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra; hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định.
- Đối với phiếu biểu quyết dưới hình thức lựa chọn: đánh dấu vào nhiều hơn một ô trong 03 ô lựa chọn (gồm Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến) ; hoặc đánh dấu khác dấu V hoặc X.

4. Nguyên tắc thu, kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu đối với Phiếu biểu quyết lựa chọn:

- 4.1. Sau khi biểu quyết, cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp bỏ Phiếu biểu quyết lựa chọn vào thùng phiếu đã được niêm phong. Để việc kiểm phiếu được nhanh chóng đề nghị Quý cổ đông không gấp, và các Phiếu biểu quyết lựa chọn khi bỏ vào thùng phiếu. Việc thu Phiếu biểu quyết lựa chọn kết thúc khi tất cả cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có mặt tại cuộc họp đã cho Phiếu biểu quyết lựa chọn vào thùng phiếu hoặc khi kết thúc thời hạn thu Phiếu biểu quyết lựa chọn do Ban kiểm phiếu thông báo.
- 4.2. Thủ tục kiểm phiếu tiến hành ngay sau khi việc thu Phiếu biểu quyết lựa chọn kết thúc .
- 4.3. Kết quả kiểm phiếu được lập thành Biên bản có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu bao gồm nội dung chính theo quy định pháp luật và được công bố trước khi bế mạc cuộc họp.

5. Việc thông qua và hiệu lực của các nghị quyết của Đại hội:

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức biểu quyết khi đạt tỷ lệ tối thiểu như sau:

- 5.1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Sửa đổi và bổ sung nội dung Điều lệ Công ty;
 - b. Loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán;
 - c. Sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty;

- d. Giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên trên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất.
- 5.2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
- a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty
 - c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.
- 5.3. Trừ trường hợp qui định tại các khoản 5.1 và 5.2, nghị quyết về các vấn đề khác của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
- 5.4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ lúc được thông qua theo quy định tại thể lệ này.

6. Khiếu nại về việc biểu quyết và kiểm phiếu:

Mọi khiếu nại, thắc mắc về việc biểu quyết và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông hoặc Trưởng Ban kiểm phiếu, theo ủy quyền của Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông, giải quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX

📍 Lô C40-43/I, C51-55/II, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

☎️ (084 - 28) 3765 3389/-90/-91 ✉️ cholimexfood@cholimexfood.com.vn

🌐 (084- 28) 3765 3025 🌐 www.cholimexfood.com.vn

MST: 0304 475 742

TP.HCM, ngày 07 tháng 4 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG
1	PHẦN THỨ NHẤT KHAI MẠC ĐẠI HỘI 9h00 -9h15	<ul style="list-style-type: none">- Tuyên bố khai mạc, giới thiệu Đại biểu tham dự- Báo cáo tư cách đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”)- Thông qua danh sách Đoàn Chủ tọa, Ban Thư ký- Thông qua danh sách Ban kiểm phiếu- Thông qua thể lệ biểu quyết tại ĐHĐCĐ- Thông qua chương trình đại hội
2	PHẦN THỨ HAI THÔNG QUA CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH 9h15-10h15	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021- Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán- Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020 và định hướng kế hoạch năm 2021- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020- Tờ trình dự kiến phân phối lợi nhuận Công ty năm 2020- Tờ trình lựa chọn tổ chức kiểm toán năm 2021- Tờ trình thù lao HĐQT, BKS và mức thưởng cho Ban điều hành Công ty năm 2021- Tờ trình sửa đổi điều lệ Công ty- Thảo luận của các cổ đông- Biểu quyết các vấn đề liên quan
3	PHẦN THỨ BA GIẢI LAO 10h15-10h45	Nghỉ giải lao (dùng tiệc trà)
4	PHẦN THỨ TƯ BẾ MẠC ĐẠI HỘI 10h45-11h00	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông- Bế mạc ĐHĐCĐ

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Số: 01/BC-BTGD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex

Ban điều hành Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020:

1. Các chỉ tiêu tổng hợp:

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn mà tất cả các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam do phải đối mặt với sự bùng phát của dịch COVID-19. Trong bối cảnh đó, CholimexFood đã có một năm hoạt động đầy thách thức. Tuy nhiên, với những nỗ lực mạnh mẽ của tập thể người lao động, năm 2020 là một năm gặt hái được nhiều thành công trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

TÊN ĐƠN VỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN NĂM 2019	NĂM 2020		% thực hiện so với KH 2020	% thực hiện 2020 so với 2019
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN		
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4=3/2)	(5=3/1)
1. Tổng kim ngạch XNK	1.000 USD	25.640	26.000	27.720	106,6	108,1
2. Tổng doanh thu	triệu đồng	2.176.099	2.200.000	2.263.875	102,9	104,0
3. Sản lượng sauce-gia vị	1.000 chai	231.300	235.000	221.000	94,0	95,5
4. Sản lượng thực phẩm đông lạnh	Tấn	2.885	2.900	3.060	105,5	106,1
5. Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	208.531	160.000	223.322	139,6	107,1
6. Lợi nhuận sau thuế	nt	166.596	128.000	178.626	139,6	107,2
7. Tỷ lệ cổ tức (dự kiến)	%/mệnh giá	50	≥15	50	-	100,0
8. Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần (ROS)	%	7,7	-	7,9	-	102,6
9. Lãi cơ bản trên CP (EPS)	đồng	16.454	-	20.950	-	127,3
10. Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	37,0	-	32,8	-	88,6
11. Quỹ phúc lợi	%/lợi nhuận sau thuế	5	5	5	100,0	100,0

- Tổng doanh thu đạt 2.263,875 tỷ đồng, vượt 3% kế hoạch, tăng trưởng 4% so với năm 2019.
- Đặc biệt lợi nhuận trước thuế ghi nhận con số ấn tượng: 223,322 tỷ đồng, vượt 40% kế hoạch, tăng trưởng 7% so với năm 2019.

2. Về thị trường:

Hoạt động kinh doanh xuất khẩu đã có những bứt phá mạnh mẽ trong việc tập trung khai thác sâu khách hàng hiện hữu song song với việc phát triển những thị trường mới trên cơ sở thế mạnh uy tín, chất lượng vượt trội, khả năng phát triển sản phẩm độc đáo, mang tinh hoa ẩm thực Châu Á phục vụ các thị trường khó tính như Châu Âu, Mỹ, Nhật.

Với chiến lược thị trường đúng hướng, doanh thu xuất khẩu năm 2020 đạt 644,2 tỷ đồng, đạt 107% kế hoạch, tăng trưởng 9% so với 2019, xuất 296 container thực phẩm đông lạnh, 329 container sauce - gia vị - nước chấm. Kết quả này đã tạo lực kéo quan trọng cho cả khối kinh doanh toàn công ty.

Cholimexfood tiếp tục giữ vị thế dẫn đầu trong ngành hàng sauce, gia vị. Doanh thu nội địa năm 2020 ghi nhận mức 1.619,675 tỷ đồng, đạt 101% so với kế hoạch, tăng trưởng 2% so với năm 2019. Độ bao phủ rộng khắp cả nước với khoảng 80.000 quầy bán lẻ, hơn 4.000 nhà hàng, chuỗi thức ăn nhanh và quán ăn cùng với hơn 5.000 siêu thị trên toàn quốc như COOP, Mega Market, Big C, Aeon, Vinmart, Lottemart, Bách Hóa Xanh ...

CholimexFood đã chứng tỏ là một thương hiệu năng động khi liên tục tung ra thị trường những sản phẩm theo hướng công nghiệp tiện dụng, xâm nhập sâu hơn vào ngành hàng gia vị- nước chấm và thực phẩm đông lạnh:

- Xốt bò kho, xốt bunn bò
- Nước mắm 40 độ đậm
- Nước mắm ăn liền, nước mắm chay ăn liền
- Bánh xếp Nhật
- Chả giò xộp chay

Động lực chính giúp CholimexFood ghi nhận sự phát triển vững vàng, ổn định đến từ sự đột phá của tất cả các lĩnh vực từ hoạt động bán hàng, dịch vụ cũng như quảng bá thương hiệu, truyền thông. Các hoạt động sampling, trưng bày được triển khai đồng loạt trên tất cả các kênh, quảng cáo poster và TV thang máy tòa nhà, sân bay. Đáng chú ý là các hoạt động tài trợ cho gameshow “Ẩm thực kỳ thú”, liên kết với trường “Cao đẳng Du lịch Huế” tổ chức hội thi “tìm kiếm sứ giả ẩm thực Huế” và Hội đầu bếp tổ chức hội thi “Món ngon Phú Quốc” đã thu hút được sự quan tâm của người tiêu dùng đặc biệt là sinh viên ngành ẩm thực và các đầu bếp chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, hệ thống DMS được khai thác sâu rộng tạo động lực mạnh mẽ cho chuỗi phân phối ngày càng phát triển theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả.

3. Về sản xuất:

Đằng sau kết quả kinh doanh nổi trội không thể không kể đến vai trò quyết định của hoạt động sản xuất với nỗ lực hết sức to lớn trong việc quản trị nhân sự khi số lượng lao động sử dụng khá lớn, vấn đề đảm bảo an toàn y tế và lao động tại nơi làm việc, phân chia lao động hợp lý vừa duy trì sản xuất:

- Sản lượng sauce-gia vị- nước chấm: 221 triệu chai, đạt 94% kế hoạch.
- Sản lượng thực phẩm đông lạnh: 3.060 tấn, đạt 106% kế hoạch.

Công ty đã có những bước bứt phá ngoạn mục cả về qui mô sản xuất, chủng loại sản phẩm uy tín thương hiệu. Động lực của sự phát triển chính là công tác đầu tư:

- Dự án Văn phòng số trở thành động lực cho quá trình số hóa diễn ra mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực trong tương lai.
- Cải tạo, mở rộng nhà xưởng đáp ứng yêu cầu tăng trưởng.
- Đầu tư các máy móc thiết bị tự động tại các công đoạn giúp tăng năng suất, giảm lao động thủ công.

4. Những thành tích đã đạt được

Với những thành tích xuất sắc đã đạt được trong lao động sáng tạo, chăm lo cho người lao động và trách nhiệm với cộng đồng, CholimexFood đã vinh dự nhận được các danh hiệu, giải thưởng cao quý:

- Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới;
- Thương hiệu quốc gia 2020;
- Danh hiệu doanh nghiệp có sản phẩm tiêu biểu Thành phố Hồ Chí Minh năm 2020;
- Bảng xếp hạng Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam VNR500;
- Top 50 doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam (Top 50 VIETNAM BEST GROWTH).

II. KẾ HOẠCH NĂM 2021:

1. Dự báo tình hình:

Năm 2021 nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp. Tuy nhiên, Việt Nam sẽ hưởng lợi từ các hiệp định thương mại tự do, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ổn định và công nghệ sẽ dẫn đầu quá trình phục hồi. Dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2021 vẫn ở mức 6%.

Bên cạnh những tác động tiêu cực của dịch bệnh đến tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp, CholimexFood ghi nhận những tín hiệu hồi phục từ các thị trường xuất khẩu và nội địa.

2. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

TÊN ĐƠN VỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN NĂM 2020	KẾ HOẠCH NĂM 2021	TỈ LỆ TĂNG TRƯỞNG (%)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3=2/1)
1. Tổng kim ngạch XNK	1.000 USD	27.720	30.600	110,4
2. Tổng doanh thu	triệu đồng	2.263.874	2.500.000	110,4
3. Sản lượng sauce-gia vị	1.000 chai	221.000	250.000	113,1
4. Sản lượng thực phẩm đông lạnh	Tấn	3.060	3.500	114,4
5. Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	223.322	230.000	103,0
6. Lợi nhuận sau thuế	nt	178.626	184.000	103,0
7. Tỷ lệ cổ tức	% / mệnh giá	50	≥15	-
8. Quỹ phúc lợi	% / lợi nhuận sau thuế	5	5	100,0

3. Giải pháp để thực hiện:

- Tiếp tục đầu tư, nâng cao năng lực sản xuất đáp ứng nhu cầu tăng trưởng.
 - + Về cơ sở hạ tầng: sắp xếp lại mặt bằng sản xuất và văn phòng để tối ưu hóa diện tích sử dụng.
 - + Về máy móc thiết bị: đầu tư cải tiến công nghệ, mua sắm các máy móc thiết bị mới để tăng năng suất.
 - + Ưu tiên công tác ứng dụng công nghệ, các phần mềm để hỗ trợ công tác quản trị: áp dụng chính thức văn phòng số, đầu tư phần mềm quản lý kho, sản xuất, tiền lương.
 - + Tổng chi phí đầu tư khoảng từ 22 tỷ đến 25 tỷ đồng.
- Ưu tiên thu hút, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực: tiếp cận nhiều nguồn tuyển dụng lao động, chú trọng việc đào tạo hội nhập, tay nghề và chuyên môn phối hợp với các chính sách đãi ngộ lao động.
- Tiếp tục thực hiện cải tiến bao bì, sản phẩm phù hợp với thị trường, cải tiến qui trình sản xuất sau khi đầu tư máy móc thiết bị.
- Áp dụng các giải pháp tiết kiệm điện, nước, hơi nhằm nâng cao hiệu quả và hướng tới sản xuất bền vững.

Trên đây là báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, kế hoạch năm 2021, kính trình Đại hội xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**
DIỆP NAM HẢI

**Y
N
2
ẦM
EX**
HỒ CHÍ MINH

Số: 0649 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2021, từ trang 03 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2018-001-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nguyễn Tuấn Ngọc
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2110-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		750.527.051.413	581.931.987.325
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	104.037.276.936	134.181.845.745
1. Tiền	111		99.412.276.936	129.556.845.745
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.625.000.000	4.625.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	317.603.955.600	107.603.955.600
1. Chứng khoán kinh doanh	121		7.007.751.097	7.007.751.097
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(5.403.795.497)	(5.403.795.497)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		316.000.000.000	106.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		149.137.831.131	165.207.397.517
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	132.109.934.649	158.117.547.452
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.000.858.627	644.418.093
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	16.027.037.855	6.445.431.972
IV. Hàng tồn kho	140		179.653.924.940	174.938.788.463
1. Hàng tồn kho	141	8	179.653.924.940	174.938.788.463
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		94.062.806	-
1. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	9	94.062.806	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		260.817.625.009	282.775.499.046
I. Tài sản cố định	220		258.257.925.009	267.435.080.864
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	224.505.877.425	232.393.796.078
- Nguyên giá	222		386.717.939.146	369.178.704.763
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(162.212.061.721)	(136.784.908.685)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	33.752.047.584	35.041.284.786
- Nguyên giá	228		47.885.836.787	47.885.836.787
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.133.789.203)	(12.844.552.001)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.559.700.000	5.340.418.182
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.559.700.000	5.340.418.182
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	10.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5	-	10.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.011.344.676.422	864.707.486.371

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		467.477.154.543	414.498.700.081
I. Nợ ngắn hạn	310		461.332.028.793	397.224.523.237
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	139.370.501.843	110.141.320.723
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.026.856.228	4.065.553.749
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	4.127.769.687	19.920.390.613
4. Phải trả người lao động	314		78.568.696.532	39.890.461.479
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	52.791.391.934	99.225.551.478
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		974.621.737	149.446.719
7. Vay ngắn hạn	320	14	104.126.051.111	85.354.102.245
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		73.346.139.721	38.477.696.231
II. Nợ dài hạn	330		6.145.125.750	17.274.176.844
1. Vay dài hạn	338	15	-	11.129.051.094
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	16	6.145.125.750	6.145.125.750
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		543.867.521.879	450.208.786.290
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	543.867.521.879	450.208.786.290
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		81.000.000.000	81.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		81.000.000.000	81.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		38.500.000.000	38.500.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		129.358.942.443	129.358.942.443
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		295.008.579.436	201.349.843.847
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		117.411.250.357	35.710.360.123
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		177.597.329.079	165.639.483.724
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.011.344.676.422	864.707.486.371

Huỳnh Minh Đức
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Ngọc
 Kế toán trưởng

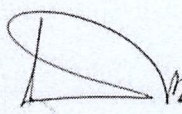
Diệp Nam Hải
 Tổng Giám đốc
 Ngày 31 tháng 3 năm 2021




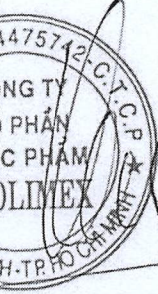
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu gộp	01		2.263.874.948.973	2.176.099.387.460
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		545.482.482	341.553.515
3. Doanh thu thuần (10=01-02)	10	20	2.263.329.466.491	2.175.757.833.945
4. Giá vốn hàng bán	11		1.615.194.805.043	1.546.247.758.799
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		648.134.661.448	629.510.075.146
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	17.828.637.629	6.535.666.044
7. Chi phí tài chính	22	23	6.175.385.226	7.110.309.980
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.550.612.330	6.361.700.968
8. Chi phí bán hàng	25	24	306.168.148.468	281.549.094.119
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	133.802.508.620	138.434.517.303
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		219.817.256.763	208.951.819.788
11. Thu nhập khác	31		5.034.813.947	1.773.728.522
12. Chi phí khác	32		1.530.163.780	2.194.458.645
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		3.504.650.167	(420.730.123)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		223.321.906.930	208.531.089.665
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	44.695.577.851	41.934.605.941
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		178.626.329.079	166.596.483.724
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	20.950	16.454


 Huỳnh Minh Đức
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Bích Ngọc
 Kế toán trưởng

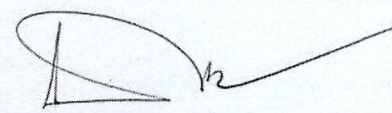

 Diệp Nam Hải
 Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

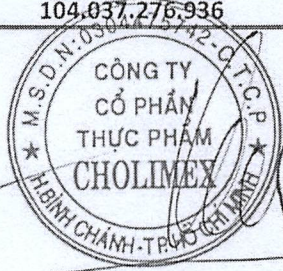
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	223.321.906.930	208.531.089.665
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	28.843.816.626	27.388.164.949
Các khoản dự phòng	03	-	(386.216.674)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(14.595.154.748)	(3.932.683.724)
Chi phí lãi vay	06	5.550.612.330	6.361.700.968
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	243.121.181.138	237.962.055.184
Thay đổi các khoản phải thu	09	25.430.410.162	24.236.689.696
Thay đổi hàng tồn kho	10	(4.715.136.477)	(12.816.105.032)
Thay đổi các khoản phải trả	11	15.078.576.408	22.736.261.821
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.550.612.330)	(6.361.700.968)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(49.792.665.899)	(48.814.613.187)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	172.152.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.599.150.000)	(1.113.280.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	213.972.603.002	216.001.459.514
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(17.314.451.658)	(24.815.312.151)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	250.219.999
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(200.000.000.000)	(84.200.000.000)
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	5.822.010.235	2.002.685.764
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(211.492.441.423)	(106.762.406.388)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	400.442.074.000	314.304.100.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(392.799.176.228)	(342.555.202.214)
3. Cổ tức đã trả	36	(40.267.628.160)	(24.300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(32.624.730.388)	(52.551.102.214)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(30.144.568.809)	56.687.950.912
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	134.181.845.745	77.493.894.833
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	104.037.276.936	134.181.845.745



Huỳnh Minh Đức
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Ngọc
 Kế toán trưởng



Diệp Nam Hải
 Tổng Giám đốc
 Ngày 31 tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về hoạt động năm 2020 và định hướng kế hoạch năm 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ Phần Thực phẩm Cholimex (“**Công ty**”) và các quy định pháp luật liên quan, Hội đồng quản trị Công ty (“**HĐQT**”) trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) về kết quả công tác quản trị của HĐQT năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020:

Hội đồng Quản trị duy trì họp định kỳ ít nhất mỗi quý/lần để xem xét kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong quý và kế hoạch hoạt động trong thời gian sắp tới, đồng thời có ý kiến chỉ đạo Ban điều hành giải quyết những vấn đề khó khăn cũng như định hướng chiến lược trong dài hạn. Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 5 cuộc họp thông qua nhiều nội dung quan trọng sau:

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019;
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020;
- Những nội dung liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020;
- Đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán năm 2020;
- Đề xuất thù lao và mức thưởng cho Ban Điều hành năm 2020;
- Kết quả sản xuất kinh doanh hằng quý và kế hoạch còn lại;
- Dự báo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020.

HĐQT đã thực hiện một cách cẩn trọng, nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp, phát triển thương hiệu, đầu tư cơ sở hạ tầng, công nghệ đáp ứng yêu cầu tăng trưởng, chỉ đạo thực hiện việc công bố thông tin theo đúng quy định, phối hợp tốt với Ban Kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.



HĐQT giám sát Ban điều hành bằng quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị. Hội đồng quản trị đã luôn song hành cùng Ban lãnh đạo trong từng hoạt động, bám sát thị trường, đưa ra các chỉ đạo kịp thời. Chủ tịch Hội đồng quản trị thường xuyên làm việc với Ban Tổng giám đốc và các cấp quản lý tại văn phòng công ty cũng như trực tiếp kiểm tra các hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện các dự án đầu tư. Các thành viên Hội đồng quản trị thường xuyên thảo luận, thống nhất các giải pháp đầu tư, tài chính, thị trường.

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của đơn vị, có thể đánh giá rằng Hội đồng Quản trị Công ty đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2020.

II. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2020

1. HĐQT đã chỉ đạo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

Thực hiện phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, HĐQT đã tập trung chỉ đạo Ban Điều Hành thực hiện các giải pháp để hoàn thành những chỉ tiêu sản xuất kinh doanh với những kết quả rất khả quan trong bối cảnh khó khăn do ảnh hưởng của Dịch Covid-19. Tổng doanh thu đạt 2.264 tỷ đồng, vượt 3% kế hoạch, tăng trưởng 4% so với năm 2019. Đặc biệt lợi nhuận trước thuế ghi nhận mức tăng trưởng rất cao khi 223 tỷ đồng, vượt 39% kế hoạch, tăng trưởng 7% so với năm 2019. HĐQT chỉ đạo Ban điều hành chú trọng công tác đầu tư cải tạo cơ sở hạ tầng để tối ưu hóa diện tích sử dụng, trang bị máy móc thiết bị hiện đại nhằm liên tục nâng cao chất lượng và tăng trưởng về sản lượng. Với kết quả này, Công ty đảm bảo thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, quyền lợi cho khách hàng, cổ đông và người lao động.

2. HĐQT đã chỉ đạo phân phối lợi nhuận năm 2019 theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ:

Việc trích lập các quỹ, khen thưởng cho ban điều hành đúng theo phê duyệt của ĐHĐCĐ và thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 cho các cổ đông với tỷ lệ 50%/mệnh giá cổ phiếu (5.000 đồng/cổ phiếu), tương ứng với số tiền 40.500.000.000 đồng.

3. HĐQT đã chỉ đạo lựa chọn Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

4. HĐQT đã chỉ đạo mức chi thù lao của HĐQT, BKS và đề xuất mức thưởng cho Ban điều hành năm 2020 theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ:

- Thù lao HĐQT, BKS năm 2020: 1.044.000.000 đồng tương đương 0,59% lợi nhuận sau thuế.
- HĐQT sẽ đề xuất ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 về mức thưởng cho Ban điều hành năm 2020 căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ TRONG CÔNG TY:

Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị được thực hiện theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Điều lệ Công ty thông qua các báo cáo về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết và quyết định của Hội đồng Quản trị. Công tác giám sát tuân thủ các chỉ đạo của Hội đồng quản trị được thực hiện một cách chặt chẽ, thường xuyên và làm rõ trách nhiệm.

Thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đã báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý cũng như phương hướng hoạt động trong thời gian tới và xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị qua đó đưa ra giải pháp đối với những vấn đề gặp khó khăn, vướng mắc.

Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò của mình thể hiện qua các giải pháp điều hành kịp thời, linh hoạt. Ban điều hành đã khẩn trương, nghiêm túc xây dựng, triển khai nhiệm vụ cụ thể trong từng thời kỳ đến từng thành viên Ban điều hành, chỉ đạo từng đơn vị thực hiện, có báo cáo đầy đủ, kịp thời đến Hội đồng Quản trị về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo định kỳ và khi có yêu cầu. Các chỉ đạo của Hội đồng Quản trị luôn được Ban điều hành và các đơn vị xác định là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để tập trung, chú trọng thực hiện. Kết quả đạt được trên tất cả các lĩnh vực từ sản xuất đến kinh doanh đã tiếp tục duy trì và củng cố được lòng tin từ đối tác, khách hàng và cổ đông.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021:

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam có thể đạt trên 6% trong năm 2021 và nền kinh tế về cơ bản vẫn duy trì các yếu tố tăng trưởng trung dài hạn. Động lực chính dẫn dắt tăng trưởng là sự hồi phục của tiêu dùng nội địa trên cơ sở kinh tế trong nước ổn định và kiểm soát tốt dịch

bệnh, khả năng tăng trưởng mạnh mẽ trở lại của dòng vốn FDI và hoạt động xuất khẩu, cùng với sự hỗ trợ đến từ đầu tư công.

Tuy nhiên, triển vọng tăng trưởng sẽ tiếp tục đối mặt với những khó khăn khi tình hình dịch bệnh trên toàn cầu nhiều khả năng sẽ còn kéo dài trong phần lớn năm nay. Ngoài ra rủi ro lớn cũng đến từ sức ép từ phía Mỹ về vấn đề thương mại.

Từ những đánh giá, dự báo của nền kinh tế như trên, Hội đồng quản trị định hướng năm 2021 tập trung vào các giải pháp phát triển thị trường nội địa, xuất khẩu, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm và công tác quản lý theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, cụ thể như sau:

- Triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021, phát huy vai trò định hướng, xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp trong từng thời điểm, kịp thời chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Công ty, Ban điều hành trong việc quản lý công ty.
- Đẩy mạnh hoạt động quảng bá thương hiệu, tìm kiếm thị trường tiềm năng mới, phát triển mặt hàng mới, mở rộng phát triển mặt hàng truyền thống kết hợp với việc nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Tiếp tục thực hiện các dự án cải tạo, tái cấu trúc mặt bằng sản xuất, đầu tư thêm máy móc thiết bị hiện đại để nâng cao năng lực sản xuất và năng suất lao động, là cơ sở giảm giá thành sản phẩm.
- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.
- Đầu tư các phần mềm quản trị nhằm cải tiến hệ thống quản trị theo hướng chặt chẽ, tiên tiến, đáp ứng đủ lực cho việc quản trị công ty theo định hướng phát triển.
- Tiếp tục nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động, hoàn thiện môi trường làm việc để CholimexFood luôn là môi trường hấp dẫn và nâng cao sức sáng tạo, cống hiến và gắn bó của người lao động với Công ty.
- Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được nhằm

574
TY
IÁN
HẮM
ME
PHỐ

cùng với Ban Tổng giám đốc Công ty phân đầu đưa Công ty ngày càng phát triển xứng đáng với mong muốn của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, định hướng kế hoạch năm 2021, kính trình Đại hội xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



DƯƠNG VĂN HÙNG



BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần thực phẩm Cholimex;

Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty niên độ tài chính từ 01/01/2020 đến 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội Đồng cổ đông của Công ty về tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát và kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần thực phẩm Cholimex như sau:

I. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính niên độ từ 01/01/2020 - 31/12/2020:

1. Kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị tính: Tỷ VND

Nội dung	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	TH2020/ KH2020	TH2020/ TH2019
1	2	3	4	5	6
Tổng doanh thu	2.176	2.200	2.263,9	102,90%	104,04%
Lợi nhuận trước thuế	208,5	160	223,3	139,56%	107,10%
Lợi nhuận sau thuế	166,6	128	178,6	139,53%	107,20%
Lãi cơ bản trên CP (EPS)	16.454 đồng		20.950 đồng		127,32%
Cổ tức	50%	Tối thiểu 15%			

Đánh giá về kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2020 là 2.263,9 tỷ đồng, vượt 2,90% so với kế hoạch, tăng 4,04% so với năm 2019.

- Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2020 là 223,3 tỷ đồng, vượt 39,56% so với kế hoạch, tăng 7,10% so với năm 2019.

- Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2020 là 178,6 tỷ đồng, vượt 39,53% so với kế hoạch, tăng 7,20% so với năm 2019.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) năm 2020 là 20.950 đồng, năm 2019 là 16.454 đồng, tăng 4.496 đồng, tương đương tăng 27,32% so với năm 2019.

2. Tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2020:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tóm tắt) Tại ngày 31/12/2020

TÀI SẢN	31/12/2020	31/12/2019	Ghi chú
A. Tài sản ngắn hạn	750.527.051.413	581.931.987.325	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	104.037.276.936	134.181.845.745	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	317.603.955.600	107.603.955.600	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	149.137.831.131	165.207.397.517	
IV. Hàng tồn kho	179.653.924.940	174.938.788.463	
B. Tài sản dài hạn	260.817.625.009	282.775.499.046	
I. Tài sản cố định	258.257.925.009	267.435.080.864	
II. Tài sản dở dang dài hạn	2.559.700.000	5.340.418.182	
Đầu tư tài chính dài hạn	-	10.000.000.000	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (A+B)	1.011.344.676.422	864.707.486.371	
NGUỒN VỐN			
C. Nợ phải trả	467.477.154.543	414.498.700.081	
I. Nợ ngắn hạn	461.332.028.793	397.224.523.237	
II. Nợ dài hạn	6.145.125.750	17.274.176.844	
D. Vốn chủ sở hữu	543.867.521.879	450.208.786.290	120,80%
I. Vốn chủ sở hữu	543.867.521.879	450.208.786.290	
1. Vốn góp của chủ sở hữu (vốn điều lệ)	81.000.000.000	81.000.000.000	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (C+D)	1.011.344.676.422	864.707.486.371	

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ NỘI LỰC CỦA CÔNG TY

STT	CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ	2020	2019	Ghi chú
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,63	1,46	
2	Tỷ lệ Nợ/Tổng tài sản	46,23%	47,94%	
3	Tỷ lệ Nợ/Vốn chủ sở hữu	85,95%	92,07%	
4	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	17,66%	19,27%	-1,61%
5	Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần (ROS)	7,89%	7,66%	+0,23%
6	Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	32,84%	37,00%	-4,16%
7	Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu(BV) (Đồng)	67.144	55.581	+11.563

- Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2020 là $1,63 > 1$ cho thấy khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty là rất tốt.

- Qua các tỷ lệ nợ cho thấy tình hình nợ của Công ty là rất đảm bảo, an toàn so với tổng tài sản hay vốn chủ sở hữu. Tỷ lệ nợ trên tổng tài sản hay trên vốn chủ sở hữu đều có chiều hướng giảm so với năm trước.

- Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA) năm 2020 là 17,66%, năm 2019 là 19,27%.

- Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần (ROS) năm 2020 là 7,89%, tăng 0,23% so với năm 2019 (7,66%).

- Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2020 là 32,84%, năm 2019 là 37,00%. Hệ số này cho thấy lợi nhuận đạt được trên vốn chủ sở hữu tương đối cao.

- Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu năm 2020 là 67.144 đồng, năm 2019 là 55.581 đồng, tăng 11.563 đồng trên mỗi cổ phiếu, tương đương tăng 20,80% so với năm 2019.

II. Kết quả các hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban kiểm soát:

1. Đối với các hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đảm bảo chế độ họp định kỳ theo đúng quy định và các cuộc họp đột xuất khi có nhu cầu, đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình và ban hành các Nghị quyết theo đúng thẩm quyền, tuân thủ Điều lệ Công ty và pháp luật của Nhà nước.

- Chỉ đạo kịp thời và giám sát chặt chẽ Ban điều hành trong thực hiện nhiệm vụ điều hành sản xuất kinh doanh, thực hiện đúng Nghị quyết mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 thông qua và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.

- Ban kiểm soát đồng ý với Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020.

2. Đối với các hoạt động của Ban điều hành:

- Tổng Giám đốc cùng với Ban điều hành tổ chức thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020, chấp hành đầy đủ và nghiêm túc những quy định pháp luật về chế độ công bố thông tin của công ty đại chúng, báo cáo tài chính, hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động và những chính sách về đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn cho người lao động tại Công ty.

- Ban kiểm soát đồng ý với nội dung Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả SXKD năm 2020.

III. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông:

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi để thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020.

- Các cuộc họp trực tiếp của HĐQT đều có thông báo đến Ban kiểm soát, Biên bản họp và Nghị quyết của HĐQT trong năm 2020 được gửi đầy đủ đến Ban kiểm soát.
- Các Quyết định và tài liệu quan trọng do Công ty phát hành được gửi đầy đủ đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo cách như đối với thành viên HĐQT.
- Quyền tiếp cận thông tin của Ban kiểm soát được đảm bảo.
- Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự Đại hội, Ban Kiểm soát chưa nhận được ý kiến đóng góp, khiếu nại của cổ đông về các sai phạm của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc Công ty, Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

IV. Hoạt động của Ban kiểm soát (“BKS”):

- Kiểm tra, giám sát việc quản lý và thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty và Ban điều hành.
- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh trong niên độ tài chính năm 2020 theo đúng pháp luật của nhà nước.
- Tham gia các buổi họp của HĐQT, xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Tổng giám đốc trong công tác quản lý.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét Báo cáo tài chính 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty, việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, bao gồm các nghĩa vụ thuế, chế độ bảo hiểm, quyền lợi cho người lao động và các nghĩa vụ tài chính khác.

Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát; nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát trước ĐHĐCĐ thường niên 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

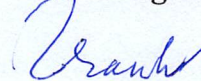
Trân trọng./.

Nơi nhân:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu BKS, VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban



Phạm Văn Tranh

Số: 01 /TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC DỰ KIẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CÔNG TY NĂM 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex

Căn cứ Điều lệ Tổ chức Và Hoạt động Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex;
Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông dự kiến phân phối lợi nhuận Công ty năm 2020 như sau:

STT	Diễn giải	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
A	Lợi nhuận trước thuế 2020	223.321.906.930	
B	Thuế TNDN	44.695.577.851	
C	Lợi nhuận sau thuế 2020 chưa phân phối	178.626.329.079	100%
	Phân phối lợi nhuận		
1	Thù lao, chi phí hoạt động HĐQT & BKS	1.044.000.000	0,58%
2	Thưởng cho Ban điều hành (tương đương 20% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch)	10.125.265.816	5,67%
3	Chia cổ tức bằng tiền mặt 50%/vốn điều lệ	40.500.000.000	22,67%
4	Quỹ phúc lợi	8.931.316.454	5,00%
5	Tổng lợi nhuận còn lại sau phân phối	118.025.746.809	66,07%

Kính trình Đại Hội xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



DƯƠNG VĂN HÙNG

TỜ TRÌNH

**VỀ VIỆC LỰA CHỌN TỔ CHỨC KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP THỰC HIỆN KIỂM TOÁN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021**

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần thực phẩm Cholimex

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần thực phẩm Cholimex.

Ban kiểm soát trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2021 là một trong bốn công ty kiểm toán quốc tế lớn tại Việt Nam, nằm trong danh sách những Công ty kiểm toán được phép kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021 đã được Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước công bố.

Ban kiểm soát đề xuất ĐHCĐ thường niên 2021 chọn Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 cho Công ty.

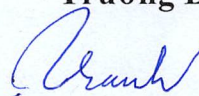
Kính trình Đại Hội xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu BKS, VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban**



Phạm Văn Tranh

Số: 03 /TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ MỨC THƯỞNG CHO BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY NĂM 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex;

Căn cứ thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2020;

Căn cứ chính sách khen thưởng cho Ban Điều Hành Công ty nhằm khuyến khích Công ty nỗ lực kinh doanh, hoàn thành đạt và vượt chỉ tiêu lợi nhuận năm 2021.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và mức thưởng cho Ban điều hành công ty năm 2021 như sau:

Hội đồng Quản trị đề xuất tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát đề xuất cho năm 2021 là không quá 1,5% lợi nhuận sau thuế năm 2021 của Công ty.

Hội đồng Quản trị đề xuất Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định mức thưởng cho Ban Điều Hành Công ty năm 2021 căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty năm 2021.

Kính trình Đại Hội xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



DUONG VĂN HÙNG

Số: 04 /TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Cholimex.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán hiện hành.

Toàn văn dự thảo Điều lệ sửa đổi và chi tiết sửa đổi được đính kèm trong phần phụ lục của tài liệu này.

Kính trình Đại Hội xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.


Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.







CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX

 Lô C40-43/I, C51-55/II, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

 (084 - 28) 3765 3389/-90/-91

 cholimexfood@cholimexfood.com.vn

 (084- 28) 3765 3025

 www.cholimexfood.com.vn

MST: 0304 475 742

PHẦN PHỤ LỤC

**BẢNG SO SÁNH DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI VÀ ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX**

DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	GHI CHÚ
17 chương, 59 điều	21 chương, 55 điều	
<p>Điều 1. Định nghĩa</p> <p>1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. “Vốn điều lệ” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.</p> <p>b. “Công ty” là Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Cholimex.</p> <p>c. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>d. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>đ. “Ngày” là khoảng thời gian gồm hai mươi bốn (24) giờ.</p> <p>e. “Ngày làm việc” là các ngày từ thứ hai đến thứ sáu trong tuần, trừ ngày nghỉ Tết, nghỉ lễ theo quy định của pháp luật hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>g. “Người quản lý công ty” là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>h. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức nào được xác định tại Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán.</p> <p>i. “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này.</p> <p>k. “Đồng” là đơn vị tiền tệ chính thức của Việt Nam.</p> <p>l. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.</p> <p>3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.</p>	<p>Điều 1. Định nghĩa</p> <p>1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.</p> <p>b. “Công ty” là Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Cholimex.</p> <p>c. Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005.</p> <p>d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</p> <p>e. "Cán bộ quản lý" là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p> <p>f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>g. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ.</p> <p>h. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.</p> <p>3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;</p>	Sửa đổi, bổ sung

<p>4. Các từ ngữ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.</p>	<p>4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.</p>	
<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên Công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX - Tên tiếng Anh: CHOLIMEX FOOD JOINT STOCK COMPANY - Tên viết tắt: CHOLIMEXFOOD JSC <p>2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p> <p>3. Trụ sở đăng ký và các chi tiết liên hệ của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ trụ sở chính: Lô C40-43/I, C51-55/II, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. - Điện thoại: 028.37653389 - 028.37653390 - 028.37653391 - Fax: 028.37653025 - E-mail: cholimexfood@cholimexfood.com.vn - Website: www.cholimexfood.com.vn. <p>4. Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của công ty</p> <p>1. Tên công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX ▪ Tên tiếng Anh: CHOLIMEX FOOD JOINT STOCK COMPANY ▪ Tên viết tắt: CHOLIMEXFOOD JSC <p>2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Địa chỉ: đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh. ▪ Điện thoại: 08.37653389 – 37653390 ▪ Fax: 08.37653025 ▪ Email: cholimexfood@hcm.vnn.vn; cholimexfood@cholimexfood.com.vn ▪ Website: www.cholimexfood.com.vn <p>4. Tổng giám đốc công ty là đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 50.Error! Reference source not found. và Điều 51 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ</p>	<p>Sửa đổi</p>

			ngày thành lập và là vô thời hạn.	
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty			Điều 3. Mục tiêu hoạt động của công ty	Sửa đổi
1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:			1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:	
STT	Tên ngành	Mã ngành	a. Sản xuất chế biến, gia công (trong nước và quốc tế) và kinh doanh các loại thực phẩm, suất ăn công nghiệp, thực phẩm đông lạnh, thủy hải sản, ... cho thị trường nội địa và xuất khẩu;	
1	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán các loại giống, thiết bị, vật tư để nuôi trồng thủy hải sản	4669	b. Nuôi trồng thủy hải sản; Kinh doanh các loại giống, thuốc, thiết bị, vật tư, để nuôi trồng thủy hải sản. Kinh doanh các loại thức ăn gia súc, thuốc bảo vệ thực vật;	
2	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075	c. Làm đại lý, nhà phân phối các mặt hàng tiêu dùng, điện máy và các sản phẩm gia dụng;	
3	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh).	4711	d. Kinh doanh bách hoá, bán hàng tự chọn;	
4	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại.	4719	e. Dịch vụ khai thuê hải quan, các dịch vụ và môi giới liên quan đến xuất nhập khẩu;	
5	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình, hàng gia dụng, hàng điện máy.	4649	f. Cho thuê kho bãi, dịch vụ vận chuyển hàng hoá nội địa;	
6	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: mua bán thực phẩm, suất ăn công nghiệp, thực phẩm đông lạnh, thủy hải sản các loại.	4632	g. Các hoạt động tài chính, đầu tư chứng khoán.	
7	Nuôi trồng thủy sản nội địa Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản	0322	Ngành nghề kinh doanh của công ty ở trên có thể được điều chỉnh theo yêu cầu phát triển của công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.	
8	Bán buôn đồ uống	4633	2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:	
9	Hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ khai thuê hải quan; dịch vụ môi giới vận tải, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu	5229	Công ty phấn đấu không ngừng để nâng cao uy tín thương hiệu, chất lượng sản phẩm và dịch vụ, phát triển kinh doanh sản xuất ngày càng vững mạnh, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của khách hàng ... nhằm đạt được lợi nhuận ngày càng lớn; bảo đảm lợi ích chính đáng cho cổ đông và người lao động của Công ty, đóng góp cho sự phát triển kinh tế của đất nước.	
10	Nuôi trồng thủy sản biển Chi tiết: Nuôi trồng hải sản	0321	Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu này cần phải có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền thì Công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan có thẩm quyền	
11	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620		

	Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc		phê duyệt.
12	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa	4610	
13	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Cho thuê kho bãi	5210	
14	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Dịch vụ vận chuyển hàng hóa	4933	
15	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: sản xuất, chế biến, gia công thực phẩm, suất ăn công nghiệp, thực phẩm đông lạnh.	1079	
16	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: sản xuất, chế biến, gia công thủy hải sản các loại	1020	
17	(Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và Pháp luật có liên quan)	Ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam	

Ngành nghề kinh doanh của Công ty ở trên có thể được điều chỉnh theo yêu cầu phát triển của công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:
 Công ty phấn đấu không ngừng để nâng cao uy tín thương hiệu, chất lượng sản phẩm và dịch vụ, phát triển kinh doanh sản xuất ngày càng vững mạnh, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của khách hàng nhằm đạt được lợi nhuận ngày càng lớn; bảo đảm lợi ích chính đáng cho cổ đông và người lao động của Công ty, đóng góp cho sự phát triển kinh tế của đất nước.
 Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu này cần phải có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền thì Công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê

<p>duyệt.</p> <p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động Công ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh mà pháp luật không cấm, ưu tiên tập trung các lĩnh vực quy định tại Điều 3 của Điều lệ này và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p>	<p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <ol style="list-style-type: none"> Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng Quản trị phê chuẩn. 	<p>Sửa đổi</p>
<p>Điều 5. Vốn điều lệ</p> <ol style="list-style-type: none"> Vốn điều lệ của Công ty là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại. Cổ phần đã bán là số cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đủ cho công ty. Cổ phần được quyền chào bán của công ty cổ phần là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn. Số lượng cổ phần của Công ty bằng số vốn điều lệ chia cho mệnh giá cổ phần. Mỗi cổ phần có mệnh giá là mười ngàn (10.000) đồng. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ này. <p>Điều 6. Cổ phần</p> <ol style="list-style-type: none"> Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều lệ này. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Số cổ phần phổ thông tăng thêm của Công ty, nếu có, phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo 	<p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <ol style="list-style-type: none"> Vốn điều lệ của Công ty là số vốn ghi trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp và thay đổi theo từng thời kỳ. Số lượng cổ phần của công ty bằng Vốn điều lệ chia cho mệnh giá một cổ phần. Mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 đồng. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 11. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo 	<p>Tách điều khoản, Sửa đổi và Bổ một số quy định</p>

<p>đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần) để cổ đông có thể đăng ký mua. Trường hợp phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</p> <p>4. Công ty có thể mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại theo Điều này được coi là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán theo quy định tại Khoản 4 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn mười (10) Ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác. Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</p> <p>5. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</p> <p>7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</p> <p>8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	
<p>Điều 7. Cổ phiếu</p> <p>1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có các nội dung như quy định</p>	<p>Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần</p>	<p>Bổ sung và Bổ một</p>

<p>tại Luật Doanh nghiệp.</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp Cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in Cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí nào khác. 3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức Cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu Cổ phiếu không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra. 4. Trường hợp Cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại Cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy; b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại Cổ phiếu mới. 	<p>sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều 6</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần. 3. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì. 4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí. 5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. 6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo. 7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển 	<p>số quy định</p>
--	--	---------------------------

	<p>nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.</p>	
<p>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.</p>	<p>Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.</p>	Giữ nguyên
<p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</p>	<p>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</p> <ol style="list-style-type: none"> Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức. 	Bỏ một số qui định
	<p>Điều 9. Thu hồi cổ phần</p> <ol style="list-style-type: none"> Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, 	Bỏ quy định

	<p>Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ lãi suất cho vay Ngân hàng thương mại Nhà nước vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.</p> <p>6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cần trong việc gửi thông báo.</p>	
<p>Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý Tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Tổng giám đốc; 4. Ban kiểm soát. 	<p>Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Đại hội đồng cổ đông; b. Hội đồng quản trị; c. Tổng giám đốc điều hành; d. Ban kiểm soát. 	Giữ nguyên
<p>Điều 11. Quyền của cổ đông 1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông</p>	<p>Điều 11. Quyền của cổ đông 1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà</p>	Sửa đổi

<p>chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; b. Nhận cổ tức; c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; d. Được ưu tiên mua số lượng cổ phần phổ thông tăng thêm tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ đang sở hữu; e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật; h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 132 của Luật Doanh nghiệp; i. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông khi xảy ra các trường hợp theo quy định của Điều lệ này; b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch 	<p>họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; b. Nhận cổ tức; c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu; e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật; h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp; i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật. <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.3 và Điều 36.2; b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông; 	
---	---	--

<p>phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;</p> <p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p>	<p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.</p>	
<p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông có nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; 2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định; 3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần; 4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành; 5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty. 	<p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông có nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; 2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định; 3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần; 4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành; 5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài 	Giữ nguyên

<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. 2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Thông qua định hướng phát triển của công ty; b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; d. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên trên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất; e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; g. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; h. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty; i. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty. j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; k. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết; 3. Đại hội cổ đông thường niên : <ol style="list-style-type: none"> a. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ 	<p>chính có thể xảy ra đối với công ty.</p> <p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. 2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm. 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa; c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ; d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan); e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi 	<p>Sửa đổi và Nhập khoản</p>
---	---	-------------------------------------

<p>đồng thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;</p> <p>b. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tại địa điểm phù hợp;</p> <p>c. Ngoài các vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông như quy định tại Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> i) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty; ii) Báo cáo tài chính hằng năm; iii) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; iv) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; v) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên; vi) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; vii) Lựa chọn công ty kiểm toán; viii) Phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc; ix) Tổng số tiền thù lao và các quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị; x) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần; xi) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; xii) Chỉ định người thanh lý trong trường hợp giải thể Công ty; xiii) Công ty mua lại hơn mười phần trăm (10%) một loại cổ phần phát hành; xiv) Các hợp đồng và giao dịch theo quy định tại Điều 167 của Luật Doanh nghiệp. <p>4. Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Đại hội đồng cổ đông bất thường được tổ chức trong các trường hợp sau: 	<p>quyền hạn của mình;</p> <ul style="list-style-type: none"> f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13. b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp. c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp. <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</p> <ul style="list-style-type: none"> d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại. <p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm; b. Báo cáo của Ban kiểm soát; c. Báo cáo của Hội đồng quản trị; 	
---	--	--

<p>i) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>ii) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;</p> <p>iii) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên tối thiểu quy định trong Điều lệ này hoặc ít hơn một nửa số thành viên mà Đại hội đồng cổ đông đã bầu ra;</p> <p>iv) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 13 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường bằng văn bản. Văn bản yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ, lý do và mục đích triệu tập họp. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;</p> <p>v) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường bằng văn bản.</p> <p>b. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>i) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn ba mươi (30) Ngày kể từ ngày xuất hiện trường hợp phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường như quy định tại Điều lệ này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại</p>	<p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.</p> <p>b. Thông qua báo cáo định kỳ của HĐQT về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>c. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Lựa chọn công ty kiểm toán;</p> <p>f. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;</p> <p>g. Tổng số tiền thù lao và các quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát trên cơ sở đề xuất của HĐQT. Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>h. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>i. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;</p> <p>j. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p>	
---	---	--

<p>phát sinh cho Công ty.</p> <p>ii) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi (30) Ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</p> <p>iii) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi (30) Ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.</p> <p>5. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường sẽ được Công ty thanh toán. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>m. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>n. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</p> <p>o. Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>q. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Các hợp đồng quy định tại 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>Điều 14. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật cho một người khác dự họp hoặc thông qua hình thức quy định tại Khoản 3 Điều này. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo qui định về pháp luật dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p>	<p>Điều 15. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải</p>	<p>Sửa đổi tên điều khoản, Bổ sung và Bỏ một số quy</p>

<p>2. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu có theo điều kiện tổ chức của Công ty); Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. 	<p>có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp; Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp; Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền; Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. <p>Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>định</p>
---	---	--------------------

<p>Không có</p>	<p>Điều 16. Thay đổi các quyền</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại 1.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó. 2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó. 3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20. 4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại. 	<p>Bỏ điều khoản</p>
<p>Điều 15. Mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Lập danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời 	<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 13.4b hoặc Điều 13.4c. 	<p>Tách điều khoản và Sửa</p>

<p>họp Đại hội đồng cổ đông; b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông.</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</p> <p>3. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty. Trường họp cổ đông là người làm việc trong Công ty, Thông báo mời họp có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</p> <p>4. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; b. Phiếu biểu quyết;</p> <p>5. Trường họp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại Khoản 4 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường họp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.</p> <p>Điều 16. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp</p>	<p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: c. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù họp với luật pháp và các quy định của Công ty; d. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường họp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường họp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách họp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường họp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ</p>	<p>đổi Bổ sung</p>
---	---	-----------------------------------

<p>Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) Ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Vấn đề kiến nghị đang được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thụ lý và/hoặc giải quyết. <p>4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>5. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện một trăm phần trăm (100%) số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.</p>	<p>đồng.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.2 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng; Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua. <p>6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.</p>	
<p>Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành 	<p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết. 	<p>Sửa đổi</p>

<p>theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì sẽ triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) Ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì sẽ triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p> <p>4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo Thông báo mời họp theo quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</p> <p>4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này.</p>	
<p>Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.</p> <p>3. Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền của cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến</p>	<p>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng,</p>	<p>Sửa đổi và Bổ một số quy định</p>

<p>muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.</p> <p>4. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp; b. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp; c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. <p>5. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>6. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.</p> <p>7. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:</p>	<p>sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.</p> <p>3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.</p> <p>4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.</p> <p>5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.</p> <p>6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng:</p> <ol style="list-style-type: none"> b. Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, c. Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc 	
--	---	--

<p>a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;</p> <p>b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>9. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>10. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 9 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p>	<p>có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp</p> <p>d. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.</p> <p>Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết họp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.</p> <p>7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.</p> <p>8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.</p> <p>9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.</p> <p>10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</p> <p>a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm</p>	
---	---	--

	<p>đó;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.</p> <p>Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	
<p>Điều 19. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua khi được số cổ đông đại diện từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>a. Sửa đổi và bổ sung nội dung Điều lệ Công ty;</p> <p>b. Loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán;</p> <p>c. Sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty;</p> <p>d. Giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch</p>	<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều chỉnh một số qui định</p>

<p>mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên trên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất.</p> <p>2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua khi được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty; Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty. <p>3. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 4 và 5 Điều này.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhận với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.</p> <p>5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số</p>	<ol style="list-style-type: none"> Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành. <p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	
--	--	--

<p>phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</p> <p>6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) Ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</p>		
<p>Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh nghiệp; 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Mục đích lấy ý kiến; c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến; f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; 	<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty; 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông; 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty; b. Mục đích lấy ý kiến; c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; 	<p>Bổ sung</p>

<p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>5. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</p> <p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh; Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu. <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử</p>	<ol style="list-style-type: none"> Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến; Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty; <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh; Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; Các quyết định đã được thông qua; Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu. <p>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được</p>	
--	---	--

<p>của công ty.</p> <p>8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p> <p>9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p> <p>6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;</p> <p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;</p> <p>8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung như quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.</p> <p>3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) Ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Sửa đổi</p>
<p>Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) Ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề nghị Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực</p>	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy</p>	<p>Sửa đổi</p>

<p>hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty; 2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty. 	
<p>Điều 23. Thẩm quyền, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty; e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp; f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này; i. Quyết định việc thực hiện, sửa đổi và chấm dứt trước thời hạn các hợp đồng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều lệ này với điều kiện phải báo cáo về quyết định này cho Đại hội đồng cổ đông được tổ chức sau đó và việc sửa đổi hợp đồng không làm cho giá trị hợp đồng vượt 	<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, ít nhất là 05 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. 2. Thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị. 3. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. 4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm 	<p>Tách điều khoản và Sửa đổi</p>

<p>quá mức đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trước đó;</p> <p>j. Phê duyệt Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá năm phần trăm (05%) giá trị kế hoạch kinh doanh hằng năm;</p> <p>k. Quyết định định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>l. Quyết định việc công ty mua hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) mỗi loại cổ phần và mức giá mua hoặc thu hồi các cổ phần này;</p> <p>m. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, (các) Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định, tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Tổng Giám đốc; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia hội đồng thành viên, hội đồng quản trị hoặc đại hội đồng cổ đông ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>n. Kiến nghị số lượng thành viên Hội đồng quản trị cho nhiệm kỳ sau đề Đại hội đồng cổ đông quyết định;</p> <p>o. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p> <p>p. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>q. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>r. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>s. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>t. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị quyết định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một</p>	<p>ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</p> <p>7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.</p>	
--	---	--

phiếu biểu quyết.

4. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

Điều 24. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu với nhiệm kỳ không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Hội đồng quản trị có ít nhất năm (05) và nhiều nhất mười một (11) thành viên. Số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng nhiệm kỳ tùy nhu cầu công việc.
3. Giới thiệu người ứng cử:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 11 của Điều lệ này có quyền giới thiệu người ứng cử vào Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần phổ thông được giới thiệu một (01) người ứng cử; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được giới thiệu hai (02) người ứng cử; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi một phần trăm (51%) được giới thiệu ba (03) người ứng cử; từ năm mươi một phần trăm (51%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được giới thiệu bốn (04) người ứng cử; và từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được giới thiệu số người ứng cử tối đa bằng tổng số thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quy định.
 - b. Trường hợp số lượng người ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm người ứng cử. Cơ chế giới thiệu người ứng cử vào Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Quyết định khen thưởng, kỷ luật cán bộ quản lý và nhân viên thuộc quyền quản lý của HĐQT và quyết định mức bồi thường vật chất nếu cán bộ, nhân viên đó gây thiệt hại cho Công ty;
 - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; quy chế quản lý nội bộ công ty.
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
 - f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

cổ đông thông qua trước khi tiến hành giới thiệu.

Điều 25. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên hội đồng quản trị của doanh nghiệp khác.

Điều 26. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ này;
 - b. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
3. Tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng đã được Đại hội đồng cổ đông quyết định cho nhiệm kỳ có liên quan. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) Ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

- j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- b. Thành lập các công ty con của Công ty;
- c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);
- d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- e. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- f. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc

<p>Điều 27. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được. Việc thực hiện trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được báo cáo trong báo cáo thường niên của Công ty trình Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;</p> <p>j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</p> <p>k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.</p> <p>5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.</p> <p>8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của</p>	
--	---	--

	<p>Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị; Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị; Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, trừ các trường hợp quy định tại Điểm b (ii) và Điểm b (iii) Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này; Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. <p>3. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt không thể thực hiện một nhiệm vụ bất kỳ, gây thiệt hại cho Công ty, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số các thành viên của Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán để thực hiện nhiệm vụ này.</p>	<p>Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt không thể thực hiện nhiệm vụ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Sửa đổi</p>

<p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) Ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.</p>	<p>4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.</p>	
<p>Không có</p>	<p>Điều 27. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thành viên Hội đồng quản trị (không phải người được ủy nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định một thành viên Hội đồng quản trị khác, hoặc một người được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó. 2. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế có quyền được nhận thông báo về các cuộc họp của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà người chỉ định anh ta là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội đồng quản trị chỉ định anh ta không có mặt, và được ủy quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt. Thành viên thay thế này không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam. 3. Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định anh ta không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm. 	<p>Bổ điều khoản</p>

	<p>4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo và ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p> <p>5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng quản trị trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự uỷ quyền của thành viên Hội đồng quản trị đã chỉ định mình.</p>	
<p>Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) Ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên Hội đồng quản trị có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác được sự chấp thuận của toàn thể các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp định kỳ ít nhất một lần.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Có đề nghị của đa số quá bán thành viên Ban kiểm soát; Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người quản lý công ty; Có đề nghị của ít nhất của hai (02) thành viên của Hội đồng quản trị; Có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập của Công ty. 	<p>Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.</p> <p>3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý; 	<p>Tách điều khoản và Sửa đổi Bổ sung</p>

<p>Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) Ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) Ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải làm bằng tiếng Việt, có thể làm thêm bằng tiếng nước ngoài tùy nhu cầu, và phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bu-rơ điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) Ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p>	<p>b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 28 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị..</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bu-rơ điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.</p> <p>8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội</p>	
--	---	--

<p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Điều này; c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>10. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>12. Hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị có hình thức tương tự (sau đây gọi chung là “Hội nghị trực tuyến”) của Hội đồng quản trị được tiến hành khi thành viên Hội đồng quản trị đang ở những địa điểm khác nhau và với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời;</p> <p>Địa điểm Hội nghị trực tuyến là địa điểm nơi có mặt đông thành viên Hội đồng quản trị nhất hoặc, nếu không có nơi có mặt đông thành viên Hội đồng quản trị nhất, là nơi có mặt Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Các quyết định thông qua trong Hội nghị trực tuyến phải được khẳng định trong Nghị quyết hội nghị bằng chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự hội nghị. Nghị quyết này có thể được xác nhận</p>	<p>đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.</p> <p>9. Biểu quyết.</p> <p>a. Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 28, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại Khoản 9d Điều 28, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 34.4a và Điều 34.4b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó..</p> <p>10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao</p>	
--	---	--

bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản mà mỗi bản sao đều có chữ ký của ít nhất một thành viên Hội đồng quản trị và có giá trị và hiệu lực như nghị quyết được thông qua tại một cuộc họp mà thành viên Hội đồng quản trị có mặt và biểu quyết trực tiếp.

Điều 30. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp có lợi ích hoặc có Người có liên quan, theo định nghĩa tại Luật Doanh nghiệp, trực tiếp hoặc gián tiếp có lợi ích từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã ký kết hoặc dự kiến ký kết với Công ty phải công khai bản chất, nội dung của lợi ích trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này hoặc tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình hoặc Người có liên quan có lợi ích hoặc có khả năng sẽ có lợi ích trong hợp đồng hoặc giao dịch đó.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất về các hợp đồng, giao dịch mà thành viên đó hoặc Người có liên quan, có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
3. Trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan, như xác định tại Điều này, không đồng ý từ bỏ quyền biểu quyết của mình trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị, ý kiến của người chủ tọa cuộc họp sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng.

Điều 31. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài tùy nhu cầu, có các nội dung sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c. Thời gian, địa điểm họp;

dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ

<p>d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp qui định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. Trường họp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nêu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p> <p>3. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường họp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển Biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị để các thành viên Hội đồng quản trị góp ý về nội dung trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Biên bản được gửi đi.</p>	<p>có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>13. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:</p> <p>a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.</p> <p>Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.</p> <p>14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.</p> <p>15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người</p>	
---	--	--

	<p>đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</p>	
<p>Điều 32. Bộ máy điều hành</p> <ol style="list-style-type: none"> Công ty có một Tổng giám đốc, một số Phó tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và (các) Phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị. 	<p>Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc điều hành hoặc một số Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc điều hành và Phó tổng giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.</p>	<p>Sửa đổi</p>
<p>Không có</p>	<p>Điều 30. Cán bộ quản lý</p> <ol style="list-style-type: none"> Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều 	<p>Bổ điều khoản</p>

	hành.	
<p>Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. 2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. 3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị; c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty; d. Giao kết các hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ những giao dịch, hợp đồng thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị; e. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này; g. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc; h. Tuyển dụng lao động; i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; j. Vào ngày 31 tháng 10 hằng năm, Tổng giám đốc phải trình 	<p>Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. 2. Nhiệm kỳ. Theo Điều 26 của Điều lệ này, Tổng giám đốc điều hành có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành không quá 05 (năm) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm với nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản. 3. Quyền hạn và nhiệm vụ. Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất; c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc 	<p>Sửa đổi</p>

<p>Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm;</p> <p>k. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <p>l. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.</p> <p>6. Hội đồng quản trị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc nếu Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị).</p>	<p>miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;</p> <p>d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.</p> <p>f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;</p> <p>g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.</p> <p>i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.</p> <p>4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi</p>	
---	--	--

	<p>được yêu cầu.</p> <p>5. Bãi nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.</p>	
<p>Không có</p>	<p>Điều 32. Thư ký công ty</p> <p>Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; b. Làm biên bản các cuộc họp; c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. <p>Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>Bổ điều khoản</p>
<p>Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng Người quản lý công ty và thành viên các Tiểu ban chuyên trách của Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí</p>	<p>Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách</p>	<p>Sửa đổi</p>

<p>tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p>	<p>thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cần trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p>	
<p>Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Người quản lý công ty và thành viên các Tiểu ban chuyên trách của Hội đồng quản trị:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Không được sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; b. Không được sử dụng những thông tin có được nhờ vị trí và công việc của mình trong Công ty để phục vụ lợi ích cá nhân hay của tổ chức hoặc cá nhân khác; c. Không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác đối với các Cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những Cổ phiếu đó trong khi các cổ đông của Công ty không có được những thông tin này; d. Có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích của cá nhân hay của Người có liên quan mà có khả năng xung đột với lợi ích của Công ty; e. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho Người quản lý công ty và Người có liên quan tới những người này, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. <p>2. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ; b. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ; c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp. 	<p>Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này. 3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu 	<p>Sửa đổi</p>

<p>3. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 2 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.</p> <p>4. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 3 Điều này; Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó. <p>5. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 4 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>6. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan</p>	<p>ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này; Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn. <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.</p>
---	---

<p>phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.</p> <p>7. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.</p>		
<p>Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Người quản lý công ty và thành viên các Tiểu ban chuyên trách của Hội đồng quản trị vi phạm trách nhiệm trung thực, trách nhiệm cẩn trọng và kém năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty sẽ bồi hoàn các chi phí và bồi thường thiệt hại vật chất và tinh thần cho Người quản lý công ty, mọi nhân viên của Công ty, thành viên các Tiểu ban chuyên trách của Hội đồng quản trị và các đại diện theo ủy quyền của Công ty nếu những người này trở thành bên bị đơn trong bất kỳ một vụ tranh chấp, kiện tụng dân sự nào vì đã thực hiện công việc của Công ty phù hợp pháp luật và Điều lệ này hoặc vì một hành động hay quyết định đã được Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phê duyệt, đồng ý. Chi phí được bồi hoàn là tất cả các khoản chi phí mà Người có liên quan phải gánh chịu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong quá trình giải quyết vụ tranh chấp, kiện tụng, bao gồm nhưng không giới hạn, chi phí tòa án, trọng tài; chi phí thuê luật sư, tư vấn pháp lý; chi phí đi lại; chi phí ăn ở ngoài phạm vi thành phố Hồ Chí Minh (nếu có). Việc bồi thường thiệt hại được giải quyết theo pháp luật hiện hành.</p>	<p>Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cẩn và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cẩn và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh</p>	<p>Sửa đổi</p>

	những trách nhiệm bồi thường nêu trên.	
<p>Điều 37. Kiểm soát viên</p> <ol style="list-style-type: none"> Ban kiểm soát có ba (03) thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông định tại Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này có quyền giới thiệu người ứng cử vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng số cổ phần phổ thông được giới thiệu một (01) người ứng cử; từ ba mươi lăm phần trăm (35%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được giới thiệu hai (02) người ứng cử; từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được giới thiệu số người ứng cử bằng với tổng số thành viên Ban kiểm soát. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa (1/2) số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trường hợp Kiểm soát viên đến thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ. <p>Điều 38. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên</p> <p>Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế 	<p>Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát</p> <ol style="list-style-type: none"> Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: <ol style="list-style-type: none"> Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát; Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông. Có quyền yêu cầu HĐQT họp phiên bất thường hoặc triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường. Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 	<p>Tách điều khoản và Sửa đổi Bổ sung</p>

<p>toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</p> <p>3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>4. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;</p> <p>Điều 39. Quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>1. Trưởng Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Tổ chức, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong Ban kiểm soát để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Trưởng Ban kiểm soát triệu tập và chủ trì tất cả các cuộc họp của Ban kiểm soát, hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ cho các thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>3. Lập kế hoạch thực hiện nghiệp vụ kiểm soát theo chương trình công tác quý, năm thông báo cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc; lập và ký các báo cáo về công tác giám sát, kiểm tra, sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Chủ trì công tác giám sát, kiểm tra và các công tác khác thuộc chức năng của Ban kiểm soát.</p> <p>5. Thông báo kịp thời các phát hiện yếu kém về hệ thống kiểm soát nội bộ, về tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động của Công ty đến Tổng Giám đốc để có biện pháp chấn chỉnh kịp thời nhằm đảm bảo Công ty hoạt động có hiệu quả và tuân thủ pháp luật.</p> <p>6. Phát hiện và thông báo kịp thời cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc về những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu phạm pháp, thua lỗ của Công ty và những khiếm khuyết trong quản lý tài chính của bộ máy điều hành Công ty.</p> <p>7. Thay mặt Ban kiểm soát ký, gửi Hội đồng quản trị các văn bản</p>	<p>4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Điều 37. Ban kiểm soát</p> <p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu</p>
--	---

<p>liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát.</p> <p>8. Thực hiện các công việc khác có liên quan đến công tác kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông giao.</p> <p>Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.</p> <p>2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</p> <p>3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.</p> <p>5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này.</p> <p>6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 13 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) Ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy</p>	<p>tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;</p> <p>g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và</p> <p>h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.</p> <p>2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 02 (hai) người.</p> <p>4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	
--	---	--

định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 35 và 36 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 42. Thù lao và quyền lợi khác của Kiểm soát viên

Thù lao và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 43. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công

<p>ty.</p> <p>3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>4. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho công ty.</p> <p>5. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>Điều 44. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ này; b. Có đơn từ chức và được chấp thuận; <p>2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; d. Trường hợp khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 		
<p>Không có</p>	<p>Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 24.3 và</p>	<p>Bỏ điều khoản</p>

	<p>Điều 36.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật. 3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này. 4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó. 	
<p>Không có</p>	<p>Điều 39. Công nhân viên và công đoàn Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	<p>Bỏ điều khoản</p>

<p>Điều 45. Trình báo cáo hằng năm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty; b. Báo cáo tài chính; c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty. d. Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát. 2. Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua. 3. Các báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông. 4. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của công ty chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất một (01) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này. 		Bổ sung điều khoản
<p>Điều 46. Công khai thông tin</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật về kế toán và pháp luật có liên quan. 2. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Điều lệ công ty; b. Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc; c. Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết 		Bổ sung điều khoản

<p>quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính;</p> <p>d. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>3. Công ty thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty có trụ sở chính chậm nhất ba (03) ngày sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.</p> <p>4. Ngoài ra, Công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</p>		
<p>Điều 47. Cổ tức</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp 	<p>Điều 40. Cổ tức</p> <ol style="list-style-type: none"> Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông 	<p>Bổ sung</p>

hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc

	<p>người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.</p>	
<p>Điều 48. Các vấn đề khác liên quan đến phân chia lợi nhuận</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các quỹ khác bao gồm nhưng không giới hạn, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, được thành lập và quản lý theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và quy định của pháp luật hiện hành. 2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận của Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ trích lập các quỹ có thể thay đổi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. 3. Các vấn đề khác liên quan đến phân chia lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật. 	<p>Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận</p> <p>Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	Sửa đổi
<p>Điều 49. Tài khoản ngân hàng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty sẽ mở tài khoản tại ngân hàng Việt Nam hoặc ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam. 2. Trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật. <p>Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.</p>	<p>Điều 42. Tài khoản ngân hàng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam. 2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật. 3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản. 	Sửa đổi
Không có	<p>Điều 43. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và 	Sửa đổi

	<p>được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.</p> <p>2. Các quỹ khác như: Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ... theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và các quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận của Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ trích lập các quỹ có thể thay đổi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>Điều 50. Năm tài khóa</p> <p>Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (giấy phép kinh doanh) đó.</p>	<p>Điều 44. Năm tài khóa</p> <p>Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.</p>	Giữ nguyên
<p>Điều 51. Hệ thống kế toán</p> <p>1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</p> <p>2. Sổ sách kế toán của Công ty được lập bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>3. Đồng Việt Nam là đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.</p>	<p>Điều 45. Hệ thống kế toán</p> <p>1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</p> <p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.</p>	Sửa đổi
Không có	<p>Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý</p> <p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải</p>	Bỏ điều khoản

	<p>nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <ol style="list-style-type: none">2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán khi cổ phiếu của Công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch chứng khoán.4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	
--	--	--

<p>Không có</p>	<p>Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Bổ điều khoản</p>
<p>Điều 52. Kiểm toán</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. 2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty. 3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. 	<p>Điều 48. Kiểm toán</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. 2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính. 3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. 4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty. 5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán. 	<p>Bổ một số quy định</p>
<p>Điều 53. Dấu của công ty</p>	<p>Điều 49. Con dấu</p>	<p>Bổ</p>

<ol style="list-style-type: none"> 1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. 2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty. 3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp. 2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành. 	sung
<p>Điều 54. Chấm dứt hoạt động</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định. 2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định. 	<p>Điều 50. Chấm dứt hoạt động</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định. 2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định. 	Giữ nguyên
<p>Không có</p>	<p>Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông</p> <p>Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động. 2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị. 	Bỏ điều khoản

	<p>3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.</p>	
<p>Điều 55. Giải thể theo yêu cầu của cổ đông Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền đề nghị tòa án quyết định giải thể Công ty khi xảy ra một trong các tình huống sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị không quyết định được trong những vấn đề thuộc quyền quyết định của mình trong một thời gian dài, gây thiệt hại cho các cổ đông; 2. Đại hội đồng cổ đông không bầu được đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị mà Đại hội đồng cổ đông đã xác định; 3. Cổ đông bị chia rẽ nghiêm trọng khiến cho việc giải thể là phương án có lợi nhất cho toàn thể cổ đông. 		Bổ sung điều khoản
<p>Điều 56. Thanh lý</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty. 2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về Ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan nhà nước hữu quan khác. 3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Các chi phí thanh lý; 	<p>Điều 52. Thanh lý</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty. 2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính. 3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo 	Giữ nguyên

<ul style="list-style-type: none"> b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên; c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước; d. Các khoản vay (nếu có); e. Các khoản nợ khác của Công ty; <p>Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điểm a đến e trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.</p>	<p>thứ tự sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Các chi phí thanh lý; b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên; c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước; d. Các khoản vay (nếu có); e. Các khoản nợ khác của Công ty; f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước. 	
<p>Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty giữa:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Cổ đông với Công ty; hoặc b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay Người quản lý khác của Công ty; <p>Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) Ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để làm trung gian hoà giải giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình thương lượng và/hoặc hoà giải hoặc nếu quyết định của người trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Cơ quan trọng tài hoặc Toà án để giải quyết.</p> <p>Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Cơ quan trọng tài và/hoặc Toà</p>	<p>Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Cổ đông với Công ty; hoặc b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp. <p>Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong</p>	<p>Sửa đổi</p>

<p>án sẽ do Trọng tài và/hoặc Toà án quyết định bên nào phải chịu.</p>	<p>vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.</p> <p>3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.</p>	
<p>Điều 58. Bổ sung và sửa đổi điều lệ</p> <ol style="list-style-type: none"> Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định theo quy định của Điều lệ này. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng 	<p>Điều 54. Bổ sung và sửa đổi điều lệ</p> <ol style="list-style-type: none"> Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty. 	<p>Sửa đổi</p>
<p>Điều 59. Hiệu lực</p> <ol style="list-style-type: none"> Bản điều lệ này gồm mười bảy (17) chương, năm mươi chín (59) điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Thực phẩm Cholimex nhất trí thông qua ngày tháng năm Điều lệ được lập thành bốn (04) bản, có giá trị như nhau. Điều lệ này là bản điều lệ chính thức và duy nhất của Công ty. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị. 	<p>Điều 55. Ngày hiệu lực</p> <ol style="list-style-type: none"> Bản điều lệ này gồm 21 chương 55 điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Thực phẩm Cholimex lần thứ 4 nhất trí thông qua ngày 17 tháng 04 năm 2009 tại Khách sạn Windsor Plaza và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này . Điều lệ được lập thành 04 bản, có giá trị như nhau . Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị. 	<p>Sửa đổi</p>